

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04-4-2024

V/v tranh chấp ly hôn, giải  
quyết việc nuôi con chung

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Dũng

2. Bà Phạm Hồng Gái

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Trần Phương Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Mỹ Á**, sinh năm: 1998. (có mặt)

Địa chỉ: **Ấp S, xã N, huyện H, tỉnh Kiên Giang.**

Chỗ ở hiện nay: **Thôn L, xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.**

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Xuân H**, sinh năm: 1986. (có mặt)

Địa chỉ: **Ấp S, xã N, huyện H, tỉnh Kiên Giang.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn đề ngày 18/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Mỹ Á** trình bày:*

Vào năm 2015 chị **Mỹ Á** và anh **Nguyễn Xuân H** quen biết nhau là do mai mối, sau đó được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào tháng 10/2015. Chị và anh **H** có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại **UBND xã N, huyện H, tỉnh Kiên Giang** và được

cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 01/07/2016. Quá trình chung sống với nhau giữa chị và anh **H** có hai người con chung tên: **Nguyễn Xuân H1**, sinh ngày 27/11/2016 và **Nguyễn Ngọc Hoài A**, sinh ngày 22/10/2018. Hiện cháu **H1** đang sống cùng anh **H**, còn cháu **A** thì đang sống cùng chị **A**.

Chị **Mỹ Á** xác nhận, sau khi cưới chị **Mỹ Á** về sống cùng gia đình chồng ở **N**, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2019 giữa chị và anh **H** phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do gia đình chồng không tôn trọng chị, thường xuyên đánh chị, quản lý chặt chẽ chuyện tiền bạc, kinh tế, anh **H** cũng không đứng ra bảo vệ chị, đến khi chị mở quán bán kiếm thu nhập thêm thì anh **H** ghen tuông vô cớ, dẫn đến cự cãi nhau thường xuyên. Năm 2020 do một số chuyện trong gia đình nên anh **H** phải đi chấp hành án, chị ở nhà vẫn đợi anh **H** về, đến tháng 8/2020 anh **H** chấp hành án xong, chị và anh **H** có gặp nhau nhưng nhận thấy anh **H** vẫn không thay đổi gì nên chị đã đưa hai con về nhà mẹ ruột ở **thành phố H** sinh sống và ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh **H** có ra Huế để thăm con một lần và từ đó đến nay không ra thăm nữa.

Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh **H** nữa, việc hàn gắn là không thể được, hơn thế nữa anh chị đã ly thân hơn 4 năm nay nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Chị **Mỹ Á** xin ly hôn cùng với anh **H**
- Về con chung: Chị đồng ý giao cháu **Nguyễn Xuân H1** cho anh **H** tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Ngọc H2 A** đến tuổi trưởng thành. Chị không đồng ý cấp dưỡng nuôi con và cũng không yêu cầu anh **H** phải cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống với nhau giữa chị và anh **H** không có tài sản chung nào và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Theo biên bản ghi lời khai ngày 11/3/2024, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh **Nguyễn Xuân H** trình bày như sau:*

Vào năm 2015 anh và chị **Nguyễn Thị Mỹ Á** quen biết nhau là do mai mối, sau đó yêu thương nhau và được gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2015. Anh chị có đăng ký kết hôn và được **UBND xã N** cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 01/7/2016. Quá trình chung sống với nhau giữa anh chị có hai người con chung tên: **Nguyễn Xuân H1**, sinh ngày 27/11/2016 và **Nguyễn Ngọc Hoài A**, sinh ngày 22/10/2018. Hiện cháu **H1** đang sống cùng anh **H**, còn cháu **A** thì đang sống cùng chị **A**.

Anh xác nhận, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do một số mâu thuẫn trong gia đình họ hàng liên quan đến đất đai, nhà cửa, chị **Á** buồn và cho rằng chị **Á** không có tiếng nói,

tài sản của anh cũng mất hết nên chị **Á** đã bỏ đi về quê sống và ly thân cho đến nay. Năm 2020, anh **H** phải chấp hành hình phạt tù là 7 tháng, sau khi chấp hành án xong anh có gặp vợ một lần, qua nói chuyện thì chị **Á** có nói khi nào anh **H** đuối được hai vợ chồng người em nuôi ra khỏi nhà thì chị **Á** sẽ quay về sống với anh **H**, từ đó chị **Á** mang theo hai con bỏ về quê nhà mẹ vợ sinh sống tại **thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**, anh có ra Huế để thăm con, nhưng chỉ gặp được hai con, còn chị **Á** thì tránh mặt, hỏi gia đình thì nói chị **Á** đi làm ngoài bắc, đồng thời chị **Á** chặn liên lạc, rồi tránh mặt anh **H** cho đến nay, anh **H** không hàn gắn được tình cảm.

Nay chị **Mỹ Á** yêu cầu được ly hôn với anh thì anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh không đồng ý, do anh **H** vẫn còn thương vợ và hai con, các con còn nhỏ, anh không muốn hai con không có đầy đủ ba mẹ, mặt khác hiện tại hai vợ chồng em nuôi đã được chính quyền địa phương cho tiền ra chỗ khác cất nhà ở, anh **H** đã thực hiện được việc chị **Á** mong muốn, anh đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của anh.

- Về con chung: Nếu chị **Á** cương quyết ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Lý do anh yêu cầu nuôi con là vì anh **H** muốn hai con được sống gần nhau, mặt khác hiện chị **Á** làm công nhân, không có nhà cửa ổn định, chị **Á** đi làm cũng gửi con cho người khác giữ dùm, hơn thế nữa chị **Á** không cho anh biết địa chỉ con ở đâu để thăm nom chăm sóc, do đó nếu giao con cho chị **Á** nuôi thì anh sẽ mất quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống với nhau giữa anh và chị **H** không có tài sản chung nào và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*\* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Mỹ Á** đối với bị đơn anh **Nguyễn Xuân H**

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị **Mỹ Á** có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang giải quyết việc hôn nhân của anh chị. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm 4 khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **A** và anh **H** chung sống với nhau vào năm 2015 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **N**, huyện **H**, tỉnh Kiên Giang vào ngày 01/7/2016, do đó hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị **Mỹ A**, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị **Mỹ A** và anh **H** đều thừa nhận, thời gian đầu, chị **A** và anh **H** chung sống hạnh phúc trên cơ sở hôn nhân tự nguyện và có với nhau hai người con chung tên: **Nguyễn Xuân H1**, sinh ngày 27/11/2016 và **Nguyễn Ngọc Hoài A**, sinh ngày 22/10/2018 nhưng kể từ năm 2019-2020, giữa chị và anh **H** phát sinh nhiều mâu thuẫn do một số chuyện mâu thuẫn trong gia đình nên chị **A** về mẹ ruột sinh sống từ năm 2019 cho đến nay, đến năm 2020 anh **H** phải đi chấp hành án tù là 7 tháng, chị **A** và anh **H** cũng đã ly thân 4 năm nay. Xét thấy giữa chị **A** và anh **H** cũng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chung sống không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, khiến cho cuộc sống hôn nhân rạn nứt, hiện tại anh chị đã sống ly thân được một thời gian dài, cuộc sống của ai người đó tự lo, cuộc sống hôn nhân của anh chị không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Mỹ A**.

[4] Về việc nuôi con chung:

**Chị A1** và anh **H** cùng xác nhận anh chị có hai người con chung tên: **Nguyễn Xuân H1**, sinh ngày 27/11/2016 và **Nguyễn Ngọc Hoài A**, sinh ngày 22/10/2018.

[4.1] Xét yêu cầu của chị **A1** về việc yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu **Hoài A** đến tuổi trưởng thành, chị **A1** đồng ý giao cháu **Xuân H1** cho anh **H** được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi anh chị sống ly thân, cháu **H1** sống với anh **H**, anh **H** vẫn đảm bảo cuộc sống về vật chất và tinh thần cho con, mặt khác theo bản tự khai ngày 19/3/2024 thì cháu **H1** có nguyện vọng sống cùng anh **H**. Đối với cháu **Hoài A** sống cùng chị **A1**, chị **A1** vẫn đảm bảo cuộc sống về vật chất và tinh thần cho con, hơn nữa cháu **H** là con gái, tuổi còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ là cần thiết đối với cháu để cháu phát triển về mặt thể chất và tinh thần được tốt hơn, do đó Hội đồng xét xử xét nên giao cháu **H1** cho anh **H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và giao cháu **Hoài A** cho chị **A1** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị **A1** và anh **H** được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị **A1** và anh **H** cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị **A1**, anh **H** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con.

[4.2] Xét yêu cầu của anh **H** về việc yêu cầu được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu **H1** và cháu **A** đến tuổi trưởng thành là không có cơ sở chấp nhận, bởi những nhận định nêu trên.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị **A1** và anh **H** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị **A1** và anh **H** cùng xác nhận anh chị không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị **A1** và anh **H** cùng xác nhận anh chị không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Thông nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[9] Về án phí: Nguyên đơn chị **A1** yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị **A1** phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51, khoản 1, Điều 56, các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35, 39 và Điều 40; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### ***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Cho chị **Nguyễn Thị Mỹ Á** ly hôn với anh **Nguyễn Xuân H**
2. Về nuôi con chung: Giao cháu **Nguyễn Xuân H1**, sinh ngày 27/11/2016 cho anh **H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và giao cháu **Nguyễn Ngọc Hoài A**, sinh ngày 22/10/2018 cho chị **Á** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị **Á** và anh **H** được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị **Á** và anh **H** cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị **Á**, anh **H** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Á** và anh **H** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị **A** và anh **H** xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị **A** phải nộp 300.000 đồng nhưng chị **A** được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004169 ngày 22-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, chị **A** không phải nộp thêm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Quyền kháng cáo: Chị **A** và anh **H** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- CCTHADS huyện Hòn Đất;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Phan Thị Quyên**

